

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 25 - 9- 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.
2. Ông Lê Viết Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Vũ Duy K - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số B đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồ Thị P trình bày:

Chị Hồ Thị P và anh Đặng Văn L kết hôn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước đây, chị P, anh L đã đăng ký kết hôn, chung sống sinh được người con đầu thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó đã đến

Tòa án giải quyết ly hôn. Ngày 18/7/2003, chị P, anh L lại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là phường T), thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên xúc phạm, cãi vã nhau. Đến khoảng tháng 02/2022 anh L thường xuyên xúc phạm chị P vô cớ, hành hạ không cho con cái ngủ, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, chị P đã thuê nhà ở riêng, kể từ thời gian đó hai vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn L.

Về con chung: Chị Hồ Thị P và anh Đặng Văn L có 04 người con chung tên là Đặng Thị Ly L1, sinh ngày 08/9/1995; Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 22/6/2003; Đặng Tiến T, sinh ngày 14/02/2009 và Đặng Tiến Đ, sinh ngày 14/02/2009. Tại đơn khởi kiện, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Tiến Đ đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và giao cháu Đặng Tiến T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với 02 người con là Đặng Thị Ly L1 và Đặng Thị Thanh N đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị P yêu cầu, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con là Đặng Tiến Đ và Đặng Tiến T cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Hồ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đặng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm kết hôn thì anh L hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị P. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhà của bố mẹ chị P tại phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế và sinh được 04 người con tên là Đặng Thị Ly L1, sinh ngày 08/9/1995; Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 22/6/2003; Đặng Tiến T, sinh ngày 14/02/2009 và Đặng Tiến Đ, sinh ngày 14/02/2009. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không tin tưởng nhau về kinh tế, con cái không nghe lời cha mẹ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm, cãi nhau. Nay chị P yêu cầu được ly hôn, anh L không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị P, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Anh L không chấp nhận ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Hiện nay, anh L đang làm lái xe, 01 tháng thu nhập khoảng từ 5.500.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 18/4/2023 anh L trình bày, trường hợp chị P1 cương quyết ly hôn thì anh đồng ý giao các con cháu Đặng Tiến T và cháu Đặng Tiến Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Đặng Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hồ Thị P** được ly hôn với anh **Đặng Văn L**; giao cháu **Đặng Tiến T**, sinh ngày 14/02/2009 và **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/02/2009 cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi); đối với 02 người con là **Đặng Thị Ly L1**, sinh ngày 08/9/1995; **Đặng Thị Thanh N**, sinh ngày 22/6/2003 đã đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) nên không giải quyết; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị **P** anh **L** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **Đặng Văn L** đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Anh **L** vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Đặng Văn L**.

Nguyên đơn chị **Hồ Thị P** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh **Đặng Văn L**, có nơi cư trú tại: **Số B đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** sau khi tìm hiểu nhau đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T** (Nay là phường **T**), thị xã **H**, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/7/2003 nên Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ, chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần và để thời gian cho chị **P**, anh **L** hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, chị **P** cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh **L** vì không thể tiếp tục chung sống với anh **L** được nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị **P**, anh **L** mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của chị **Hồ Thị P** được ly hôn với anh **Đặng Văn L**.

[3] Về con chung: Chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** có 04 người con là **Đặng Thị Ly L1**, sinh ngày 08/9/1995; **Đặng Thị Thanh N**, sinh ngày 22/6/2003; **Đặng Tiến T**, sinh ngày 14/02/2009 và **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/02/2009. Tại phiên tòa, chị **P** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đặng Tiến T**, sinh ngày 14/02/2009 và **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/02/2009 cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Xét yêu cầu nuôi con của chị **P** Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi sống ly thân, cháu **T** và cháu **Đ** đều do chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của 02 cháu mong muốn được ở với chị **P**. Mặt khác, hai cháu là anh em sinh đôi, luôn sống với nhau từ nhỏ đến lớn. Phía anh **L** đồng ý giao cháu **Đặng Tiến T** và cháu **Đặng Tiến Đ** cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại, anh **L** đang nghề lái xe một thu nhập một tháng khoảng 5.500.000 đồng. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu phát triển về thể chất và tinh thần bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Hồ Thị P**. Giao cháu **Đặng Tiến T**, sinh ngày 14/02/2009 và **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/02/2009 cho chị **Hồ Thị P** nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh **Đặng Văn L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi); anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Đối với 02 người con là **Đặng Thị Ly L1**, sinh ngày 08/9/1995; **Đặng Thị Thanh N**, sinh ngày 22/6/2003 đã đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Hồ Thị P** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và anh **Đặng Văn L** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Hồ Thị P** được ly hôn anh **Đặng Văn L**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đặng Tiến T**, sinh ngày 14/02/2009 và **Đặng Tiến Đ**, sinh ngày 14/02/2009 cho chị **Hồ Thị P** trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh **Đặng Văn L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Đối với 02 người con là **Đặng Thị Ly L1**, sinh ngày 08/9/1995; **Đặng Thị Thanh N**, sinh ngày 22/6/2003 đã đủ tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị **Hồ Thị P** và anh **Đặng Văn L** không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Hồ Thị P** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị **Hồ Thị P** đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003778 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị **P** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh **Đặng Văn L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 45, ngày 18/7/2003;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân